TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH V**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 490 /2025/DS-PT
Ngày: 26 - 9 - 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương
Các Thẩm phán: _ Bà Phạm Thị Hồng Hà
_ Bà Đặng Thị Ánh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Vũ Duy Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2025/TLPT- DS ngày 14 tháng 8 năm 2025 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 14 – V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 457/2025/QĐ–PT ngày 27 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị C1, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp G, xã Dân Thành, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ấp G, phường D, tỉnh V).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị S1, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp G, xã Dân Thành, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ấp G, phường D, tỉnh V).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Huỳnh Đức Tài, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp Thanh Trì A, xã C, tỉnh V.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị S1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Bùi Thị C1 trình bày:

Ngày 24/11/2021 bà cho bà Trần Thị S1 vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay là để bà S1 đáo hạn nợ Ngân hàng, không có thoả thuận lãi suất cho vay, bà S1 hẹn thời gian trả nợ là khi nào quyền sử dụng đất của bà được vào quy hoạch thì sẽ C1 nhượng quyền sử dụng đất và trả tiền vay cho bà. Hai bên có làm biên

nhận nợ ngày 24/11/2021 và bà đã giao cho bà S1 đủ số tiền 250.000.000 đồng. Tuy nhiên 02 năm sau quyền sử dụng đất của bà S1 không nằm trong quy hoạch. Do đó đến ngày 01/01/2023 bà có đòi bà S1 trả số tiền vay, bà S1 hẹn đến tháng 7/2024 nhưng bà không đồng ý và đến nay bà S1 vẫn chưa thực hiện trả số tiền vay 250.000.000 đồng cho bà. Nay bà yêu cầu bà S1 trả số tiền vay 250.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử là ngày 08/7/2025. Rút lại yêu cầu khởi kiện tiền lãi thời gian từ ngày 24/11/2021 đến ngày 31/12/2022.

bị đơn bà Trần Thị S1 trình bày:

Do bà có nợ tiền vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã D nên bà C1 cho bà vay số tiền 250.000.000 đồng để đáo hạn nợ Ngân hàng vào ngày 24/11/2021, bà C1 có viết biên nhận nợ ngày 24/11/2021 và bà đồng ý ký tên. Hai bên không có thoả thuận tiền lãi, bà chỉ hẹn khi nào quyền sử dụng đất được vào quy hoạch thì bà C1 nhượng quyền sử dụng đất để trả cho bà C1 số tiền 250.000.000 đồng. Sau đó bà C1 có yêu cầu bà trả số tiền 250.000.000 đồng, tuy nhiên quyền sử dụng đất của bà không được vào quy hoạch nên chưa có tiền trả cho bà C1. Nay bà đồng ý trả cho bà C1 số tiền 250.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi vì bà C1 tự đưa tiền cho bà vay mà không phải bà hỏi vay số tiền của bà C1.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân Khu vực 14 – V đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 14 – V, đã quyết định (tóm tắt):

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị C1.

Buộc bà Trần Thị S1 có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị C1 số tiền gốc 250.000.000 đồng, tiền lãi 60.902.388 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 310.902.388 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả lãi từ ngày 24/11/2021 đến ngày 31/12/2022 với lãi suất 10%/năm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/7/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 14 – V nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị S1. Nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Bùi Thị C1 và đại diện ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Đức Tài thống nhất thỏa thuận giảm tiền lãi suất cho bị đơn. Cụ thể bà Bùi Thị C1 chỉ yêu cầu bà S1 trả lại số tiền vốn là 250.000.000 đồng và tiền lãi suất bà C1 chỉ yêu cầu bà S1 trả đến ngày xét xử phúc thẩm là 13.000.000 đồng. Đại diện ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Đức Tài thống nhất thỏa thuận với yêu cầu trên của bà C1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tham gia phiên tòa phát ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Toà án áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 300, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị S1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 14 – V theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, buộc bà Trần Thị S1 trả lại cho bà Bùi Thị C1 số tiền vốn là 250.000.000 đồng và tiền lãi suất là 13.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bà Trần Thị S1; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị S1 được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nội dung kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị S1 kháng cáo. Nội dung kháng cáo, bà S1 không đồng ý trả số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền này. Các đương sự khác không kháng cáo. Viện kiểm sát không kháng nghị. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án phúc thẩm xem xét trong phạm vi liên quan đến yêu cầu kháng cáo của đương sự.

[3] Nguyên đơn căn cứ vào "biên nhận nợ" ngày 24/11/2021 yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay 250.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi đối với số tiền này. Trong quá trình tố tụng, bị đơn thừa nhận có vay của bà C1 số tiền 250.000.000 đồng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vay 250.000.000 đồng, tuy nhiên bị đơn không đồng ý trả tiền lãi đối với số tiền vay này.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Bùi Thị C1 và đại diện ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Đức Tài thống nhất thỏa thuận giảm tiền lãi suất cho bị đơn. Bà Bùi Thị C1 chỉ yêu cầu bà S1 trả lại số tiền vốn là 250.000.000 đồng và tiền lãi suất

bà C1 chỉ yêu cầu bà S1 trả đến ngày xét xử phúc thẩm là 13.000.000 đồng. Đại diện ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Đức Tài thống nhất thỏa thuận với yêu cầu trên của bà C1 như trên. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi suất bà Trần Thị S1 có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị C1 là 263.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu đồng).

Từ những nhận định trên, Toà án nhân dân Khu vực 14 – V chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận lại số tiền lãi suất nên kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần. Cần thiết sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 14 – V

[6] Các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Trần Thị S1 không phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, 300, 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị S1.

Sửa một Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 14 – V.

Căn cứ Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.; Điều 463, 466, 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa nguyên đơn bà Bùi Thị C1 và bị đơn bà Trần Thị S1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Trần Thị S1 có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị C1 số tiền 263.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu đồng) trong đó tiến vốn gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi suất 13.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị S1 chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 13.150.000 đồng (mười ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Trần Thị S1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000845 ngày 24/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh V.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh V;
- TAND Khu vực 14-V;
- Phòng THADS Khu vực 14-V;
- Phòng GĐKT,TT&THA T. V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thu Hương